

## HOSE 30/07/2014

VNINDEX	589.33	-2.91	-0.49%
KLGD	81,073,130	CP	
GTGD	1,679.40	Tỷ	
GTR NDTNN	-	487.73	Tỷ

CP Tăng giá	85	CP
CP Giảm giá	109	CP
CP Đứng giá	110	CP



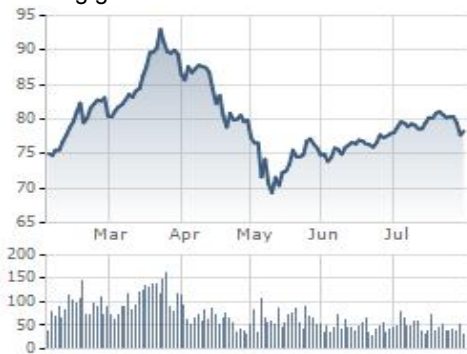
## Tâm điểm

- ▶ **Giao dịch cầm chừng, VN-Index giảm mạnh cuối phiên**
- ▶ **Thanh khoản thị trường gia tăng nhẹ**  
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 1,900 tỷ đồng
- ▶ **Đến 15/7, Việt Nam bội chi ngân sách 85 nghìn tỷ đồng**  
Mức bội chi này bằng 38% dự toán cả năm 2014 được Quốc hội thông qua Người Đồng Hành
- ▶ **ANZ: Chỉ số niềm tin người tiêu dùng Việt Nam tăng 3.1 điểm trong tháng 7**  
Mức chỉ số tháng 7 cao hơn so với mức trung bình của năm 2014 là 131 điểm Người Đồng Hành
- ▶ **Kinh tế Nhật Bản cải thiện trong tháng 6**  
Điều này cho thấy tác động của đợt tăng thuế hồi tháng 4 đang giảm dần DVO/Reuters
- ▶ **FLC: Lợi nhuận 6 tháng đầu năm đạt trên 177 tỷ đồng**  
Với kết quả này, tập đoàn đã hoàn thành được 51% kế hoạch lợi nhuận năm Trí Thức Trẻ/FLC News
- ▶ **DPM: Lợi nhuận 6 tháng giảm sâu 56%, đạt 672 tỷ đồng**  
Trước đó, quý 1/2014 LNST của Đạm Phú Mỹ cũng sụt giảm tới 46% Trí Thức Trẻ/DPM

## HNX 30/7/2014

HNXINDEX	78.28	0.00	0.00%
KLGD	26,481,987	CP	
GTGD	322.11	Tỷ	
GTR NDTNN	10.60	Tỷ	

CP Tăng giá	96	CP
CP Giảm giá	93	CP
CP Đứng giá	190	CP



## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	1,057,636	14.5	3.2	22.7%	11.5%
HNX	137,729	19.6	1.6	8.6%	3.9%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,195,365</b>	<b>15.3</b>	<b>3.1</b>	<b>21.8%</b>	<b>10.8%</b>

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo ngành</b>					
Nhựa, cao su & sợi	7,801	6.9	1.0	15.3%	10.2%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	22,341	7.7	1.7	23.7%	17.4%
Thép và sản phẩm thép	36,219	19.4	2.1	17.5%	7.1%
Khai khoáng	12,582	48.5	4.9	3.2%	2.4%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,376	22.4	1.5	17.0%	8.9%
Xây dựng	34,010	-	63.7	1.3	0.2%
Máy công nghiệp	9,236	8.0	1.5	19.4%	13.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,703	12.0	1.6	17.3%	12.7%
Lốp xe	7,316	9.1	2.5	30.0%	13.7%
Nuôi trồng nông & hải sản	14,413	15.1	1.3	11.1%	5.3%
Thực phẩm	214,629	24.0	5.6	24.5%	18.4%
Dược phẩm	16,507	13.4	3.5	26.7%	17.3%
Phần mềm	19,721	12.2	2.7	23.6%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	23,650	7.9	1.3	18.2%	8.8%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	185,749	14.3	5.2	39.8%	25.1%
Bảo hiểm nhân thọ	29,805	26.2	2.5	9.4%	2.3%
Môi giới chứng khoán	29,484	27.5	1.7	7.1%	5.2%
Ngân hàng	264,607	11.8	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản	149,230	13.6	2.7	29.7%	6.4%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	39,018	10.1	2.1	21.7%	8.3%

## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	629.07	-4.51	-0.71%
HNX30	155.61	0.04	0.03%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**Đến 15/7, Việt Nam bội chi ngân sách 85 nghìn tỷ đồng**

**ANZ: Chỉ số niềm tin người tiêu dùng Việt Nam tăng 3.1 điểm trong tháng 7**

**Kinh tế Nhật Bản cải thiện trong tháng 6**

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**FLC: Lợi nhuận 6 tháng đầu năm đạt trên 177 tỷ đồng**

**DPM: Lợi nhuận 6 tháng giảm sâu 56%, đạt 672 tỷ đồng**

**PXS: 6 tháng lãi ròng 62 tỷ đồng, thực hiện 75% kế hoạch năm**

## ► Tin kinh tế

Theo báo cáo mới nhất của Tổng cục Thống kê (GSO), tổng thu ngân sách nhà nước từ đầu năm đến giữa tháng 7 ước đạt 448.9 nghìn tỷ đồng, bằng 57.3% dự toán năm. Tổng chi ngân sách nhà nước từ đầu năm đến ngày 15/7 ước đạt 533.9 nghìn tỷ đồng, bằng 53% dự toán năm. Về cân đối ngân sách, Việt Nam ghi nhận mức bội chi ngân sách khoảng 85 nghìn tỷ đồng tính đến giữa tháng 7, tăng so với mức ghi nhận vào cuối tháng 6 là 78.8 nghìn tỷ đồng và bằng 38% dự toán cả năm 2014, được Quốc hội thông qua ở mức 224,000 tỷ đồng.

Một điều tra do ANZ công bố ngày 30/7 cho thấy, chỉ số Niềm tin Người tiêu dùng Việt Nam tăng 3.1 điểm lên 134.1 điểm trong tháng 7, cao hơn so với mức trung bình của năm 2014 là 131 điểm. Theo ANZ, căng thẳng chính trị lắng dịu có vẻ đã bắt đầu giúp người tiêu dùng lạc quan hơn trong tháng 7. Trước đó, chỉ số này đã tăng mạnh 7,7 điểm trong tháng 6 chủ yếu nhờ sự cải thiện niềm tin về tình hình tài chính cá nhân của người Việt Nam, và tình hình này tiếp tục có diễn biến tích cực hơn trong tháng 7. Trong cuộc khảo sát mới nhất này, 55% (tăng 7%) số người Việt Nam được hỏi nhận định điều kiện tài chính của gia đình sẽ tốt lên trong 1 năm tới (tỷ lệ cao nhất kể từ đầu năm 2014), trong khi chỉ 6% (giảm 2%) số người trả lời điều kiện sẽ xấu đi (tỷ lệ thấp nhất kể từ đầu năm 2014).

Ngày 29/7, Nhật Bản công bố loạt số liệu cho thấy bức tranh kinh tế với nhiều cải thiện, xoa dịu lo ngại về tác động của đợt tăng thuế tháng 4. Cụ thể, chi tiêu hộ gia đình giảm 3% so với cùng kỳ năm ngoái, thấp hơn mức giảm dự báo 3.8% của các chuyên gia và mức giảm 8% của tháng 5. Tuy nhiên, chi tiêu hộ gia đình trong tháng 6 lại tăng 1.5% so với tháng trước đó, trái ngược với chiều hướng giảm trong 2 tháng trước đó. Tháng 6, doanh số bán lẻ cũng giảm 0.6% so với cùng kỳ năm ngoái, nhỉnh hơn mức giảm dự báo 0.5% và số liệu của tháng 5. Theo khảo sát của Reuters, kinh tế Nhật Bản sẽ giảm 1.4% trong quý 2 trước khi tăng trưởng 1.4% trong quý 3.

## ► Tin doanh nghiệp

Theo tin từ CTCP Tập đoàn FLC (HOSE: FLC), 6 tháng đầu năm nay, doanh thu hợp nhất từ hoạt động sản xuất kinh doanh của FLC đạt 673 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, mảng doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh, đạt hơn 200 tỷ đồng. Với kết quả này, FLC đã ghi nhận lợi nhuận hoạt động kinh doanh hợp nhất tăng đột biến lên 177 tỷ đồng, bằng hơn 6.5 lần cùng kỳ năm trước. Như vậy, chỉ riêng trong quý 2/2014, lợi nhuận của FLC đạt khoảng trên 133 tỷ đồng. Được biết, theo dự kiến, FLC sẽ mở bán sản phẩm 2 dự án là FLC Garden City và FLC Complex 36 Phạm Hùng trong khoảng cuối năm nay. Đây là 2 trong số nhiều dự án mà Tập đoàn triển khai năm 2014, bên cạnh danh mục một số dự án lớn khác đang được chuẩn bị.

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP (Đạm Phú Mỹ)(HOSE: DPM) vừa công bố báo cáo quản trị đồng thời đưa ra những chỉ tiêu cơ bản về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm vừa qua. Với sản lượng sản xuất 428 nghìn tấn Đạm Phú Mỹ, công ty đã hoàn thành 53.5% kế hoạch sản xuất cả năm. Sản lượng kinh doanh Đạm Phú Mỹ ở mức 461 nghìn tấn, gần 200 nghìn tấn phân bón khác... Tổng doanh thu và LNST của DPM 6 tháng lần lượt đạt 5,133 tỷ đồng và 672 tỷ đồng, tương đương 59% và 55.1% kế hoạch cả năm. Được biết, kế hoạch kinh doanh năm 2014, trong đó có kế hoạch LNST của Đạm Phú Mỹ đã giảm đáng kể so với kết quả thực hiện năm 2013. So với kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2013, LNST 6 tháng 2014 của DPM giảm trên 56%. Quý 1/2014 đã chứng kiến kết quả sụt giảm tới 46% LNST của Đạm Phú Mỹ.

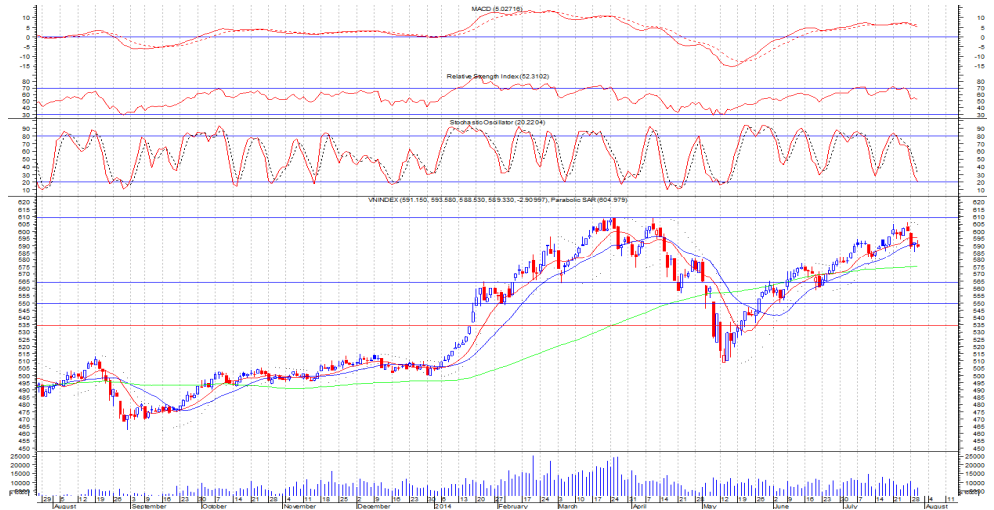
CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (HOSE: PXS) công bố kết quả kinh doanh quý 2 và 6 tháng đầu năm 2014. Doanh thu thuần quý 2/2014 của PXS tăng gấp đôi cùng kỳ, đạt 523 tỷ đồng, lãi gộp tăng 88%, đạt 81 tỷ đồng. Bên cạnh việc tăng doanh thu, PXS còn tiết giảm đáng kể các khoản chi phí trong kỳ. Kết quả quý 2 công ty lãi ròng 41 tỷ đồng, bằng 3.8 lần con số cùng kỳ 2013. Lũy kế 6 tháng, PXS lãi ròng 61.8 tỷ đồng, gấp 4 lần LNST 6 tháng đầu năm 2013. EPS 6 tháng đầu năm của PXS đạt 1,235 đồng/cổ phiếu. Như vậy, sau nửa năm, PXS đã thực hiện 75.4% kế hoạch lợi nhuận cả năm đã được ĐHCĐ thường niên giao phó.

**HOSE** 30/07/2014 VNINDEX 589.33 -2.91 -0.49% 81,073,130 CP 1,679.40 bil VND

### Giao dịch cầm chừng, VN-Index giảm mạnh cuối phiên

VN-Index giảm 2.91 điểm (-0.49%), đóng cửa tại mức 589.33 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến ngắn, giảm điểm, đặc biệt chỉ số này giảm mạnh về cuối phiên.

- MACD sau khi cho tín hiệu bán ra vẫn tiếp tục sụt giảm mạnh.
- Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm và tiến sâu về vùng quá bán.
- MA10, MA20 đi ngang, MA20 thực sự là ngưỡng hỗ trợ tốt trong mỗi lần chỉ số VN-Index điều chỉnh.
- RSI (14) giảm về mức 52.



### HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.4 (3.2%)	24,195,820
SAM	0.6 (6.0%)	5,102,310
SSI	-0.2 (-0.8%)	2,405,300
HQC	0 (0.0%)	2,167,340
ITA	-0.1 (-1.3%)	2,092,780

### HOSE Top 5 theo % tăng

MPC	3.5 (7.0%)	13,220
PDN	2.9 (7.0%)	16,080
TNT	0.2 (6.9%)	248,620
SII	1.2 (6.7%)	110
EVE	1.7 (6.3%)	210

### HOSE Top 5 theo % giảm

SBC	-0.7 (-7.0%)	9,740
TMS	-2.4 (-6.9%)	3,940
PTC	-0.4 (-6.6%)	500
VNG	-0.6 (-6.5%)	840
CYC	-0.3 (-6.0%)	20

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

SAM	13,2 tỷ	1,280,100
HPG	12,2 tỷ	221,470
HSG	3,7 tỷ	83,680
PPC	2,7 tỷ	127,000
PVD	2,4 tỷ	26,000

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-475,2 tỷ	6,734,230
MSN	-37,1 tỷ	420,500
DPM	-9,1 tỷ	299,000
HAG	-4,6 tỷ	183,310
KDC	-4,6 tỷ	79,800

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-5,673,920	- 487.73

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch cầm chừng ở phiên hôm nay. Lực cầu và cung khá cân bằng. Nổi bật nhất hôm nay chính là diễn biến ở mã FLC. VN-Index giảm điểm mạnh ở phiên chiều.
- ▶ KLGD tăng nhẹ và đạt 73 triệu đơn vị. Việc khối lượng sụt giảm cho thấy sự thận trọng của giới đầu tư.
- ▶ Khối ngoại bán ròng 487 tỷ trong phiên hôm nay. Tuy nhiên tập trung nhiều ở mã VIC khi bán ròng 475 tỷ, khối này mua ròng nhiều ở SAM, HPG
- ▶ TT tăng điểm trở lại sau nhịp điều chỉnh, chúng tôi cho rằng đây là một tín hiệu tích cực. Nhịp hồi có thể diễn ra ở những phiên tới, nhưng đà tăng không quá mạnh.
- ▶ NĐT có thể xem xét mua dần các mã có kết quả kinh doanh tốt và đã điều chỉnh về vùng hỗ trợ. Hạn chế mua đuổi giá và các mã chưa điều chỉnh nhiều.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	111.0	210,345.00	14.6	5.4	40.6%	25.7%
VNM	833.5	135.0	112,518.05	18.2	6.8	39.6%	30.7%
VIC	908.8	73.0	66,339.67	9.3	4.3	54.2%	10.3%
MSN	734.9	88.5	65,039.65	152.7	5.0	3.2%	1.1%
VCB	2,317.4	25.6	59,325.88	16.5	1.7	10.4%	1.0%
CTG	3,723.4	14.5	53,989.37	9.1	1.1	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	15.2	42,730.28	10.7	1.5	13.8%	0.8%
BVH	680.5	41.0	27,899.33	26.2	2.5	9.4%	2.3%
PVD	275.3	91.5	25,186.12	11.7	2.4	22.4%	9.3%
HPG	419.1	55.0	23,047.89	12.0	2.5	22.2%	9.3%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

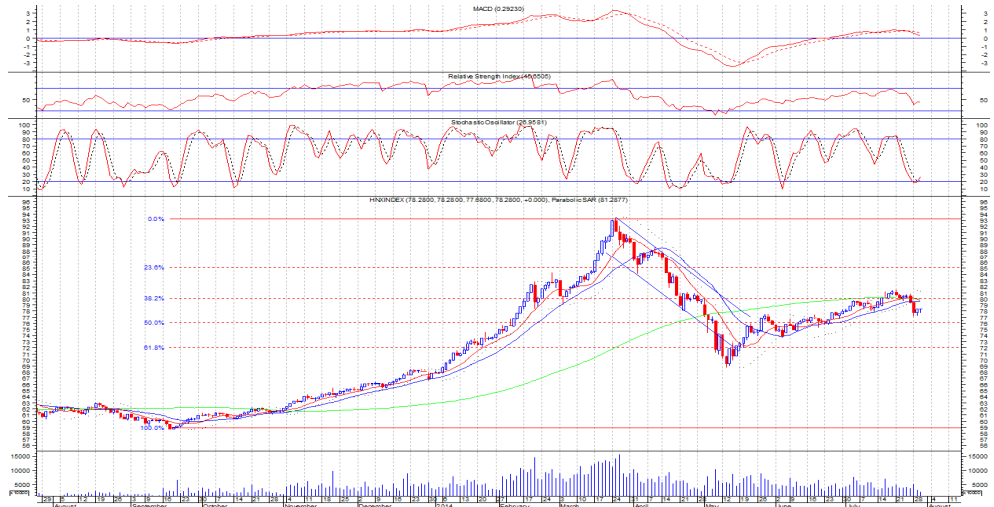
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	13.2	3,070.32	15.6	1.3	NA	TH.DOI
FPT	275.1	49.9	13,728.46	12.0	2.7	NA	TH.DOI
CII	112.9	20.7	2,336.23	37.8	2.0	NA	TH.DOI
BMP	45.5	70.0	3,183.49	10.0	2.5	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.2	680.40	4.7	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	18.3	505.26	2.4	1.0	NA	TH.DOI

**HNX**      30/07/2014      HNX-Index      78.28      0.00      0.00%      26,481,987 CP      322.11 bil. VND

### Giao dịch cầm chừng, VN-Index giảm mạnh cuối phiên

Chỉ số HNX-Index đi ngang 0.00 điểm (0.00%), đóng cửa tại mốc 78.28 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến với thân nền ngắn, cây nến Doji với bóng dưới khá dài.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator dừng đà giảm và cho tín hiệu mua trở lại.
- MACD tiếp tục sụt giảm mạnh.
- RSI (14) đi ngang ở mức 45.
- Áp lực điều chỉnh sẽ giảm dần đối với chỉ số HNX-Index. Tuy nhiên, đã tăng có lẽ sẽ không quá mạnh.



### HNX Top 5 theo KLGD

KLF	-0.1 (-0.9%)	2,737,900
PVX	-0.1 (-2.3%)	2,208,030
SCR	0 (0.0%)	2,152,350
FIT	0.2 (1.5%)	1,725,200
PVS	-0.1 (-0.3%)	1,682,480

### HNX Top 5 theo % tăng

VBC	3 (10.0%)	300
NHA	0.4 (9.8%)	300
HCT	1 (9.7%)	1,300
BED	1.2 (9.4%)	900
VBH	1 (9.3%)	4,300

### HNX Top 5 theo % giảm

BDB	-0.7 (-9.9%)	100
INC	-0.6 (-9.8%)	100
S12	-1 (-9.3%)	100
THS	-0.7 (-9.2%)	4,700
CT6	-0.9 (-9.2%)	4,200

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	9,3 tỷ	284,500
LAS	1,0 tỷ	28,100
PGS	0,7 tỷ	22,200
DBC	0,3 tỷ	12,400
SD1	0,2 tỷ	36,700

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VND	-2,0 tỷ	132,500
PVC	-0,8 tỷ	39,940
EFI	-0,1 tỷ	12,000
TCT	0,0 tỷ	400,000
HNM	0,0 tỷ	2,500

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	353,660	10.60

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch cầm chừng ở phiên hôm nay. HNX-Index mất điểm tương đối trong phiên giao dịch nhưng lấy lại đà giảm ở cuối phiên.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và chỉ đạt 30 triệu đơn vị. Việc khối lượng sụt giảm cho thấy sự thận trọng của giới đầu tư.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 10 tỷ trong phiên hôm nay. Đáng chú ý là khối này bán mạnh ở mã VND, trong khi mua ròng mạnh ở PVS, LAS.
- ▶ TT có thể tăng điểm trở lại sau nhịp điều chỉnh, đây là một tín hiệu tích cực. Nhịp hồi có thể diễn ra ở những phiên tới, nhưng đã tăng không quá mạnh.
- ▶ NĐT có thể xem xét mua dần các mã có kết quả kinh doanh tốt và đã điều chỉnh về vùng hỗ trợ. Hạn chế mua đuổi giá và các mã chưa điều chỉnh nhiều.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	32.5	14,517.76	8.1	1.6	21.6%	7.0%
ACB	921.5	15.4	14,191.34	19.0	1.3	6.6%	0.5%
SQC	110.0	80.0	8,800.00	313.7	6.5	-2.0%	-1.7%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	11.6	1.0	8.6%	0.7%
VCG	441.7	12.7	5,609.73	14.1	1.2	9.1%	1.9%
OCH	200.0	25.3	5,060.00	30.1	2.4	7.6%	3.4%
PVI	225.4	21.0	4,733.70	13.5	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	34.0	2,646.29	8.1	2.6	34.3%	16.1%
NTP	43.3	50.0	2,166.90	10.8	2.6	24.8%	16.7%
NVB	297.7	6.8	2,024.15	104.9	0.6	0.6%	0.1%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	31.8	1,208.40	7.5	1.5	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.3	362.34	8.3	0.8	NA	TH.DOI
VND	96.9	14.8	1,434.66	15.3	1.6	NA	TH.DOI
NTP	43.3	50.0	2,166.90	10.8	2.6	NA	TH.DOI
PVC	50.0	20.4	1,020.00	11.8	1.1	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.1	300.04	7.0	1.6	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	65,039.65	13.73%	88.5	152.67	4.99	202,286	680,301	415,111
VIC	HOSE	908.8	66,339.67	13.68%	73.0	9.32	4.33	624,612	679,216	394,202
HPG	HOSE	419.1	23,047.89	13.62%	55.0	12.01	2.47	978,155	1,214,328	800,449
PVD	HOSE	275.3	25,186.12	9.64%	91.5	11.68	2.43	495,279	670,865	506,766
HAG	HOSE	718.2	18,169.31	8.07%	25.3	21.91	1.58	3,336,289	4,744,298	4,710,524
STB	HOSE	1,142.5	22,393.23	7.65%	19.6	9.81	1.30	660,778	1,341,799	1,045,870
VCB	HOSE	2,317.4	59,325.88	6.07%	25.6	16.48	1.69	813,078	1,031,022	1,081,322
DPM	HOSE	379.9	11,512.01	5.32%	30.3	7.09	1.63	2,177,608	1,555,880	1,081,908
ITA	HOSE	718.1	5,457.37	3.07%	7.6	72.19	0.93	10,970,239	12,967,628	10,878,038
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	2.45%	41.0	26.20	2.46	444,149	577,292	585,682
KBC	HOSE	289.8	2,955.56	2.33%	10.2	51.96	0.93	1,087,301	1,680,526	1,535,472
HSG	HOSE	96.3	4,208.88	2.28%	43.7	9.19	2.21	232,931	273,766	339,018
GMD	HOSE	114.4	3,936.11	1.97%	34.4	19.92	0.86	220,153	478,245	489,673
VSH	HOSE	206.2	2,949.25	1.58%	14.3	17.90	1.37	872,368	1,384,872	1,219,817
PPC	HOSE	318.2	6,872.14	1.47%	21.6	4.49	1.36	722,877	1,314,680	1,285,920
CSM	HOSE	67.3	2,826.26	1.45%	42.0	8.04	2.37	478,531	807,759	817,008
DRC	HOSE	83.1	4,195.23	1.34%	50.5	10.22	2.78	476,220	510,915	466,964
HVG	HOSE	120.0	2,856.00	1.24%	23.8	12.76	1.36	618,320	746,608	650,264
PVT	HOSE	232.6	3,070.32	1.16%	13.2	15.55	1.32	1,182,001	2,496,556	2,594,915
DIG	HOSE	143.0	2,130.63	1.06%	14.9	48.59	1.11	773,049	1,025,734	967,890
OGC	HOSE	300.0	3,180.00	0.82%	10.6	69.88	1.21	3,298,594	4,737,005	3,335,967

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	22,393.23	7.67%	19.6	9.81	1.30	660,778	1,341,799	1,045,870
MSN	HOSE	734.9	65,039.65	7.43%	88.5	152.67	4.99	202,286	680,301	415,111
VCB	HOSE	2,317.4	59,325.88	7.31%	25.6	16.48	1.69	813,078	1,031,022	1,081,322
VIC	HOSE	908.8	66,339.67	6.29%	73.0	9.32	4.33	624,612	679,216	394,202
DPM	HOSE	379.9	11,512.01	5.63%	30.3	7.09	1.63	2,177,608	1,555,880	1,081,908
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	5.63%	41.0	26.20	2.46	444,149	577,292	585,682
PVS	HNX	446.7	14,517.76	5.50%	32.5	8.06	1.61	2,792,598	4,139,252	3,029,036
PVD	HOSE	275.3	25,186.12	3.79%	91.5	11.68	2.43	495,279	670,865	506,766
ITA	HOSE	718.1	5,457.37	3.48%	7.6	72.19	0.93	10,970,239	12,967,628	10,878,038
SHB	HNX	886.1	7,708.93	3.36%	8.7	11.58	0.95	8,016,074	12,512,393	9,930,134
HAG	HOSE	718.2	18,169.31	3.27%	25.3	21.91	1.58	3,336,289	4,744,298	4,710,524
VCG	HNX	441.7	5,609.73	3.21%	12.7	14.07	1.24	2,407,943	4,123,647	3,993,495
OGC	HOSE	300.0	3,180.00	2.07%	10.6	69.88	1.21	3,298,594	4,737,005	3,335,967
DRC	HOSE	83.1	4,195.23	1.52%	50.5	10.22	2.78	476,220	510,915	466,964
GMD	HOSE	114.4	3,936.11	1.49%	34.4	19.92	0.86	220,153	478,245	489,673
PPC	HOSE	318.2	6,872.14	1.32%	21.6	4.49	1.36	722,877	1,314,680	1,285,920
PVT	HOSE	232.6	3,070.32	1.16%	13.2	15.55	1.32	1,182,001	2,496,556	2,594,915
PVX	HNX	400.0	1,720.00	0.00%	4.3	- 1.53	2.29	9,321,255	12,084,771	11,051,811

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	66,339.67	0.00%	73.0	9.32	4.33	624,612	679,216	394,202
MSN	HOSE	734.9	65,039.65	0.00%	88.5	152.67	4.99	202,286	680,301	415,111
DPM	HOSE	379.9	11,512.01	0.00%	30.3	7.09	1.63	2,177,608	1,555,880	1,081,908
HAG	HOSE	718.2	18,169.31	0.00%	25.3	21.91	1.58	3,336,289	4,744,298	4,710,524
VCB	HOSE	2,317.4	59,325.88	0.00%	25.6	16.48	1.69	813,078	1,031,022	1,081,322
STB	HOSE	1,142.5	22,393.23	0.00%	19.6	9.81	1.30	660,778	1,341,799	1,045,870
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	0.00%	41.0	26.20	2.46	444,149	577,292	585,682
CTG	HOSE	3,723.4	53,989.37	0.00%	14.5	9.13	1.14	839,590	1,191,494	1,245,087
GAS	HOSE	1,895.0	210,345.00	0.00%	111.0	14.57	5.37	470,774	356,114	461,652

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	65,039.65	0.88%	88.5	152.67	4.99	202,286	680,301	415,111
VIC	HOSE	908.8	66,339.67	0.56%	73.0	9.32	4.33	624,612	679,216	394,202
STB	HOSE	1,142.5	22,393.23	0.31%	19.6	9.81	1.30	660,778	1,341,799	1,045,870
VCB	HOSE	2,317.4	59,325.88	0.24%	25.6	16.48	1.69	813,078	1,031,022	1,081,322
DPM	HOSE	379.9	11,512.01	0.15%	30.3	7.09	1.63	2,177,608	1,555,880	1,081,908
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	0.08%	41.0	26.20	2.46	444,149	577,292	585,682

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,801	6.9	1.0	15.3%	10.2%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	22,341	7.7	1.7	23.7%	17.4%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,078	33.7	0.9	1.9%	1.5%
Sản xuất giấy	878	9.8	0.8	10.2%	5.1%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	36,219	19.4	2.1	17.5%	7.1%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,046	4.9	0.9	19.0%	4.0%
Khai khoáng	12,582	48.5	4.9	3.2%	2.4%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,376	22.4	1.5	17.0%	8.9%
Xây dựng	34,010	-	63.7	1.3	0.2%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,489	8.2	1.3	18.6%	9.8%
Công nghiệp phức hợp	472	5.1	1.0	20.4%	14.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,746	10.6	1.0	8.6%	4.6%
Thiết bị điện	1,800	-	16.6	0.7	-1.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	46	23.4	0.6	2.7%	1.8%
Máy công nghiệp	9,236	8.0	1.5	19.4%	13.1%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,627	-	2.9	1.0	4.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,703	12.0	1.6	17.3%	12.7%
Dịch vụ vận tải	5,339	10.5	1.5	15.8%	9.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,290	14.6	1.4	9.0%	2.0%
Đào tạo & Việc làm	247	36.3	0.7	3.7%	1.7%
Nhà cung cấp thiết bị	202	9.2	0.8	10.2%	4.4%
Chất thải & Môi trường	138	2.1	0.8	33.5%	16.8%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,114	24.4	1.7	13.5%	8.3%
Lốp xe	7,316	9.1	2.5	30.0%	13.7%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,509	7.7	1.2	15.7%	9.5%
Vang & Rượu mạnh	252	11.0	1.8	18.3%	13.5%
Đồ uống & giải khát	266	7.3	1.3	15.1%	10.0%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	14,413	15.1	1.3	11.1%	5.3%
Thực phẩm	214,629	24.0	5.6	24.5%	18.4%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	60	118.2	0.8	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,348	8.4	1.0	13.4%	6.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	158	4.0	1.3	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,158	8.8	1.6	17.3%	7.0%
Giày dép	7	-	1.0	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,203	10.7	1.8	17.2%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	709	-	4.1	-6.9%	2.7%

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	932	21.5	1.0	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	135	3.1	1.6	32.6%	12.6%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	156	10.0	1.0	10.0%	6.6%
Dược phẩm	16,507	13.4	3.5	26.7%	17.3%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	477	64.6	1.5	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	684	12.5	1.1	12.1%	7.9%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,582	9.6	1.7	20.2%	3.3%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,095	8.9	1.0	13.2%	8.6%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	165	7.2	3.1	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,790	29.9	2.4	7.2%	3.4%
Dịch vụ giải trí	2,263	16.7	1.4	13.5%	11.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,230	26.4	2.4	16.5%	14.7%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	640	20.5	0.8	3.7%	1.3%
Internet	311	65.6	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	19,721	12.2	2.7	23.6%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	396	13.5	0.6	4.4%	1.7%
Thiết bị văn phòng	259	5.2	1.0	20.1%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,348	14.5	0.7	5.3%	4.0%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	23,650	7.9	1.3	18.2%	8.8%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	185,749	14.3	5.2	39.8%	25.1%
Nước	1,207	6.3	1.1	17.2%	11.6%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,294	10.7	0.9	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	7,028	12.4	0.8	6.3%	3.2%
Tái bảo hiểm	3,015	10.0	1.2	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	29,805	26.2	2.5	9.4%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,870	69.9	1.2	1.7%	0.5%
Môi giới chứng khoán	29,484	27.5	1.7	7.1%	5.2%
Ngân hàng					
Ngân hàng	264,607	11.8	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	149,230	13.6	2.7	29.7%	6.4%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	5	203.1	0.5	0.2%	0.1%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	39,018	10.1	2.1	21.7%	8.3%



- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.